

Số: *141* /KH - UBND

Lào Cai, ngày *15* tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 07/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Năm 2023

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 07/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; UBND tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch thực hiện năm 2023, cụ thể như sau.

I. MỤC TIÊU NĂM 2023

1. Giáo dục phổ thông.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT đạt 78%.
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học đại học đạt 40%.
- Tỷ lệ học sinh học ngoại ngữ trong các trường phổ thông đạt 98,4% (*Tỷ lệ học sinh thông thạo một ngoại ngữ đạt 55%*).
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT 100% đạt trình độ công nghệ thông tin.

2. Về giáo dục nghề nghiệp.

- Tỷ lệ thu hút học sinh tốt nghiệp THCS và THPT vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp đạt 32%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 68% (*Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 29,3%*).
- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động qua đào tạo 50,2%.
- Cơ cấu lao động làm việc trong các lĩnh vực: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 52,7%; công nghiệp - xây dựng 18,6%; thương mại - dịch vụ 27,72%.

3. Về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức các cấp có trình độ đại học trở lên đạt 65,4%.
- Tỷ lệ cán bộ công chức có trình độ chuyên môn ngoại ngữ, tin học đạt chuẩn theo vị trí việc làm đạt 98%.
- Tỷ lệ viên chức có trình độ chuyên môn ngoại ngữ, tin học đạt chuẩn theo vị trí việc làm đạt 90,5%.
- Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức có đủ trình độ làm việc trong môi trường quốc tế đạt 3%.

- Tỷ lệ cán bộ công chức cấp tỉnh có trình độ đại học trở lên đạt 14,1%.
- Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức có trình độ đại học trở lên đạt 1,47%.

4. Tạo việc làm mới và thu hút nguồn lao động

- Tạo việc làm mới khu vực phi nông nghiệp đạt 9.500 việc làm mới.
- Lao động chuyển dịch từ lĩnh vực nông nghiệp sang lĩnh vực phi nông nghiệp đạt 3.600 lao động.
- Thu hút nguồn nhân lực ngoài tỉnh đến làm việc tại các khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai đạt 1.310 lao động.

(Chi tiết Phụ biểu kèm theo)

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Đổi mới, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong phát triển nguồn nhân lực

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị phải xác định công tác phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng, then chốt quyết định đến phát triển toàn diện, bền vững của tỉnh; từ đó đề ra giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ, toàn diện trong hệ thống chính trị về phát triển nguồn nhân lực.

Các cơ quan, đoàn thể các cấp, các đơn vị có liên quan tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, năng lực xây dựng cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để xây dựng, tổ chức triển khai, thực hiện các chương trình, đề án gắn với phát triển nguồn nhân lực bảo đảm bám sát với tình hình thực tiễn và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời xác định rõ các mục tiêu, lộ trình, tiến độ triển khai thực hiện chi tiết, cụ thể gắn chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm các cấp, các ngành và người đứng đầu các cấp trong xây dựng và phát triển nguồn nhân lực.

Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ về công tác quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực về nội dung, hình thức, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học. Đẩy mạnh phân cấp, thực hiện quyền tự chủ các cơ sở đào tạo, đơn vị sử dụng lao động. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa quản lý ngành, địa phương và các cơ sở đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Thực hiện tốt công tác dự báo về xu hướng và nhu cầu nhân lực; điều tiết quy mô và cơ cấu, lĩnh vực, ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khắc phục tình trạng mất cân đối cung - cầu và lãng phí trong đào tạo.

Thực hiện tốt các chính sách đãi ngộ, thu hút nhân lực chất lượng cao, bảo vệ quyền lợi của người lao động và bảo đảm an sinh xã hội, đồng thời Tăng cường công tác phối hợp tuyên truyền, vận động để cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp và Nhân dân hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng và đồng thuận, tích cực tham gia xây dựng, phát triển nguồn nhân lực tại cơ quan,

đơn vị, địa phương.

2. Nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông, tạo nền tảng chất lượng nguồn nhân lực và tạo nguồn lao động tại chỗ của địa phương.

2.1. Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới trường, lớp; phát triển quy mô giáo dục hợp lý.

- Tiếp tục rà soát mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022 - 2030, trong đó, tập trung tiếp tục rà soát, sắp xếp lại hệ thống trường, lớp chi tiết, cụ thể đến từng lớp, từng thôn, bản; ; gắn sắp xếp trường, lớp với thực hiện tinh giản biên chế, đáp ứng tốt nhu cầu học tập của nhân dân, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Xây dựng phương án thành lập, đầu tư xây dựng 02 trường THPT: Trường THPT số 3 thị xã Sa Pa; trường THCS&THPT huyện Bắc Hà.

- Tăng chỉ tiêu tuyển sinh cho các trường THPT, TTGDNN-GDTX, Trường CĐ Lào Cai.

2.2. Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng.

- Thực hiện rà soát số lượng và cơ cấu giáo viên ở tất cả các cấp học, môn học; xác định cụ thể số lượng, cơ cấu, độ tuổi của giáo viên (GV), số GV dôi dư (nếu có) ở từng trường, từng cấp học, môn học, gắn với việc rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp học trên cơ sở chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao năm học 2022-2023...

- Thực hiện sát hạch chuyên môn, nghiệp vụ đối với giáo viên các môn đã học xong văn bằng 2 (*Đại học: Tiếng Anh, Tin học*), nếu đạt yêu cầu và giáo viên có nguyện vọng sẽ chuyển đổi vị trí việc làm sang giảng dạy môn Tiếng Anh, Tin học.

- Xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ, Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 4/12/2020 của HĐND tỉnh, công văn số 1717/UBND ngày 25/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc triển khai Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/2/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; công văn số 449/SNV-CCVC ngày 11/5/2022 của Sở Nội vụ về việc xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026.

2.3. Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; kiểm định giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018, đồng thời thực hiện chương trình Chương trình GDPT 2006. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh; từng bước nâng cao và bền vững chất lượng giáo dục, trong đó chú trọng chất lượng thi tốt nghiệp THPT, chất lượng thi học sinh giỏi các môn văn hoá và nghiên cứu khoa học kỹ thuật các cấp. Tổ chức các mô hình giáo dục sáng tạo, lồng ghép định hướng nghề nghiệp, đẩy mạnh hoạt động học sinh nghiên cứu khoa học, giáo dục STEM, mô hình trường học gắn với thực tiễn.

- Đổi mới công tác quản lý trong nhà trường, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, quy tắc ứng xử trường học; kiểm tra nội bộ nhà trường...

- Rà soát đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo; tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng giáo dục, duy trì, phát triển, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia.

- Từng bước thực hiện hiệu quả các nội dung đột phá của giáo dục tỉnh Lào Cai (chuyên đổi số; dạy và học ngoại ngữ): Chuẩn hoá dữ liệu, bảo mật, liên thông dữ liệu; sử dụng hồ sơ điện tử (sổ theo dõi và đánh giá học sinh; học bạ; khuyến khích đơn vị thí điểm sử dụng thêm một sổ sổ khác, trước khi thực hiện báo cáo về Sở GD&ĐT); tổ chức dạy - học và kiểm tra, đánh giá học sinh trên nền tảng số; tăng cường sinh hoạt chuyên môn trực tuyến và dạy học kết nối để bồi dưỡng đội ngũ và nâng cao chất lượng giáo dục. Xây dựng kế hoạch giảng dạy bộ môn ngoại ngữ theo hướng tạo môi trường học và sử dụng ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục.

2.4. Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

- Triển khai thực hiện tốt Đề án phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú giai đoạn 2020-2025 và đến năm 2030.

- Cùng cố, phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; xây dựng trường học vùng cao trở thành trung tâm văn hóa giáo dục, văn hoá cộng đồng tại các địa phương vùng cao. Thực hiện từng bước chuẩn hóa giáo dục vùng cao. Xây dựng mô hình trường PTDTNT, PTDTBT gắn với lao động sản xuất, hướng nghiệp, dạy nghề, nghiên cứu khoa học, văn hóa dân tộc...

- Đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với học sinh dân tộc thiểu số; đảm bảo chất lượng dạy tiếng Việt và tiếng dân tộc, làm tốt công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THPT. Chú trọng giáo dục đoàn kết các dân tộc, văn hóa các dân tộc cho học sinh; thực hiện các hoạt động giáo dục đặc thù, giáo dục kỹ

năng sống, giá trị sống, chuyển mạnh sang hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm gắn với xây dựng mô hình trường học gắn với thực tiễn, nội trú, bán trú tự quản, hướng nghiệp - dạy nghề; tăng cường kỷ cương, nề nếp trong quản lý thực hiện nhiệm vụ giáo dục dân tộc, đặc biệt là thực hiện chế độ, chính sách cho CBQL, GV, HS.

2.5. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non, xóa mù chữ; giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh; xây dựng xã hội học tập.

- Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, nhất là phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 4 tuổi khoảng 66/152 xã, phường, thị trấn; duy trì 100% số xã, huyện đạt chuẩn PCGD TH mức độ 3. Tỷ lệ phổ cập giáo dục THCS phân đầu và duy trì đạt mức độ 2 ở các huyện, thị xã, thành phố.

- Xóa mù chữ mức độ 1, mức độ 2 khoảng 5.000 người trong độ tuổi từ 15 - 60; nâng tỷ lệ người biết chữ lên 95%; đào tạo nghề cho người lao động, trong đó, người biết chữ trong độ tuổi từ 15-35 đạt tỷ lệ 30%.

- Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2019-2025 (Đề án số 522 của Thủ tướng chính phủ).

- Tổ chức các Hội nghị tuyển sinh, ngày hội hướng nghiệp và tư vấn việc cho học sinh trên địa bàn toàn tỉnh, địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

2.6. Đổi mới công tác quản lý giáo dục và đào tạo, đảm bảo dân chủ, công khai, thống nhất; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, người đứng đầu cơ sở giáo dục.

- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, công khai, minh bạch đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên, người lao động. Tiếp tục tổ chức triển khai tốt công tác chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định. Giải quyết kịp thời, dứt điểm những bức xúc, khiếu nại, tố cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

- Thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính; thực hiện dân chủ trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị; Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

2.7. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; nâng cao chất lượng dạy, học ngoại ngữ.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, Kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục; Xây dựng, hoàn thiện và triển khai đồng bộ Nền tảng quản lý thông tin tổng thể ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai.

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử.

- Xây dựng hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy - học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn ngoại ngữ của từng đơn vị, từng khối lớp, phù hợp với mục tiêu và điều kiện thực tế. Xây dựng kế hoạch dạy tích hợp tiếng Anh trong môn học, dạy song ngữ tiến tới dạy các môn khoa học bằng tiếng Anh; Tăng cường công tác đổi mới kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ theo hướng chuẩn quốc tế.

2.8. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng kiên cố hoá, chuẩn hoá và hiện đại hoá; đảm bảo đủ kinh phí cho đào tạo.

- Tập trung nguồn lực tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; đẩy nhanh tiến độ xây dựng phòng học; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin; các điều kiện đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ.

2.9. Chủ động hội nhập, hợp tác và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế.

Chủ động, tích cực hợp tác, giao lưu tiếp thu các phương pháp công nghệ, đưa chương trình học tiên tiến của nước ngoài vào trường học của Lào Cai. Khuyến khích các cơ sở giáo dục chủ động hội nhập quốc tế, liên kết đào tạo; thu hút, tiếp nhận người nước ngoài, chuyên gia, giảng viên giỏi đến giảng dạy tại các cơ sở giáo dục...

3. Phát triển hệ thống giáo dục đại học, dạy nghề; đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực cho thị trường lao động.

- Rà soát, sắp xếp, kiện toàn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm dịch vụ việc làm đảm bảo theo đúng các quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Việc làm.

- Thực hiện sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho các ngành/ngành trọng điểm và các ngành/ngành có nhu cầu đào tạo cao, phù hợp với xu hướng phát triển cho Trường Cao đẳng Lào Cai và các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp. Trong đó tập trung đầu tư đồng bộ các yếu tố nâng cao chất lượng đào tạo cho Trường Cao đẳng Lào Cai từ nguồn lực các Chương trình, Chương trình mục tiêu quốc gia,...

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng cho cán bộ lãnh đạo, nhà giáo các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, xây dựng, biên soạn mới; cập nhật, sửa đổi bổ sung, số hóa các chương trình, giáo trình và tài liệu giảng dạy, học tập để cung cấp tư liệu học tập cho người học. Triển khai các nội dung về chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục

ngành nghiệp; Ứng dụng thiết bị internet, truyền hình, video Clip trong công tác giảng dạy và thực hành.

- Liên kết đào tạo với các trường trung cấp, cao đẳng ngoài tỉnh tổ chức đào tạo cho những ngành nghề tỉnh chưa có hoặc còn thiếu so với nhu cầu nhân lực mà các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng được.

4. Phát triển nhân lực trong các lĩnh vực, ngành kinh tế.

4.1. Về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành.

- Rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo quản lý theo phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của Tỉnh ủy, UBND tỉnh nhiệm kỳ 2020 -2025(2021-2026); nhiệm kỳ 2025-2030(2026-2031).

- Thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức các cấp đảm bảo đúng quy định hiện hành của pháp luật để bổ sung đội ngũ công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng.

- Tập trung bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ; bồi dưỡng nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng đề án Bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trẻ nhằm trang bị công cụ để đội ngũ có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

- Triển khai thực hiện tốt chính sách của Trung ương (Nghị định 141/2020/NĐ-CP ngày 8/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số; Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm).

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025 đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển nhân lực của các ngành, lĩnh vực của tỉnh.

- Triển khai đồng bộ dữ liệu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan nhà nước với Bộ Nội vụ.

4.2. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số.

- Triển khai thực hiện tốt chính sách ưu tiên trong tuyển dụng công chức, viên chức đối với người dân tộc thiểu số để bổ sung, nâng cao tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng đào tạo cử tuyển để tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số.

4.3. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Rà soát nhu cầu đào tạo trình độ sau đại học của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp; phối hợp với các cơ sở đào tạo có uy tín của TW để mở các lớp đào tạo sau đại học tại tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục chuyên ngành cần thu hút, hỗ trợ đào tạo của tỉnh đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển nguồn nhân lực.

- Triển khai, hướng dẫn CBCCVC tham gia đăng ký dự tuyển các Chương trình học bổng phát triển của chính phủ các nước: Ấn Độ, Nhật Bản, Anh, Australia,.. để dành các suất học bổng đào tạo sau đại học ở nước ngoài dành cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án do các tổ chức trong và ngoài nước tài trợ.

- Tiếp tục hội đàm với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc để nối lại việc đưa lao động qua biên giới làm việc theo hợp đồng, mở rộng cơ hội việc làm cho người dân trên địa bàn tỉnh.

6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, chương trình, đề án; huy động, bảo đảm nguồn lực đầu tư phát triển nguồn nhân lực.

- Ban hành Quy định tiêu chuẩn CBCCVC lãnh đạo quản lý cấp phòng thay thế Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND và Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

- Sửa đổi, bổ sung Quyết định 05/2021/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Lào Cai.

- Xây dựng chính sách "Hỗ trợ kinh phí cho lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo của tỉnh Lào Cai đi làm việc ngoài tỉnh theo hợp đồng".

- Xây dựng quan hệ lao động lành mạnh, bảo đảm an toàn lao động và các chế độ về tiền lương, phúc lợi xã hội đối với người lao động trong doanh nghiệp theo pháp luật.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện giải quyết việc làm cho người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn và lao động là người dân tộc thiểu số.

- Bố trí, bảo đảm sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương (Dự án, Đề án, Chương trình MTQG, hỗ trợ có mục tiêu,...), cân đối nguồn kinh phí của tỉnh đảm bảo triển khai hiệu quả công tác phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai năm 2023.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động Thương binh và Xã hội:

- Là cơ quan chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh các nội dung, nhằm phát triển hệ thống giáo dục đại học, dạy nghề; đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực cho thị trường lao động.

- Phối hợp với các sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư phân bổ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững thực hiện các công tác đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm cho lao động tại các địa bàn các huyện nghèo.

- Triển khai, quán triệt và hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nội dung đào tạo, dạy nghề năm 2023.

2. Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh: Cân đối đảm bảo nguồn lực thực hiện mục tiêu của Nghị quyết, bố trí kinh phí thực hiện các nội dung phát triển các cơ sở đào tạo nghề, đào tạo chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai...; giao Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2023 tỉnh Lào Cai.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở ngành, đơn vị liên quan tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 26/NQ-TU năm 2023.

3. Sở Nội vụ:

- Quản lý, tổ chức đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành đảm bảo về chất lượng cũng như số lượng để thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác được giao.

- Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 26/NQ-TU năm 2023.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông, tạo nền tảng chất lượng nguồn nhân lực và tạo nguồn lao động tại chỗ của địa phương.

- Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 26/NQ-TU năm 2023.

4. Các Sở, ban ngành có liên quan:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị có trách nhiệm thực hiện nội dung của đề án; phối hợp chặt chẽ với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các ngành liên quan của tỉnh và các địa phương trong tổ chức thực hiện đề án.

5. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Chủ động phối hợp với các sở: Sở Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo và các sở ngành, đơn vị có liên quan xây dựng kế

hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nguồn nhân lực của địa phương phù hợp với thực tiễn và mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 07/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2023 của UBND tỉnh; yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Lào Cai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công Thông tin ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, các CV, TH4.

Jau

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Giàng Thị Dung

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỦA NGHỊ QUYẾT 26-NQ/TU - NĂM 2023



Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai

TT	Mục tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện năm 2022	Kế hoạch 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
A	Nhóm chỉ tiêu về giáo dục phổ thông						
1	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT	%	77,42%	78%	Sở Giáo dục &ĐT		Gồm học sinh học THPT, GD TX, Nghệ trong TT GD TX, cao đẳng Lào Cai
2	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT vào học đại học	%	39,75%	40%	Sở Giáo dục &ĐT		
3	Tỷ lệ học sinh học ngoại ngữ trong các trường phổ thông (Từ lớp 3 đến lớp 12)	%	98,2%	98,4%	Sở Giáo dục &ĐT		
-	Tỷ lệ học sinh thông thạo 01 ngoại ngữ (sau khi tốt nghiệp THPT)	%	38%	55%	Sở Giáo dục &ĐT		
4	Học sinh sau khi tốt nghiệp THPT đạt trình độ về công nghệ thông tin	%	100%	100%	Sở Giáo dục &ĐT	Sở Thông tin và TT; Sở Khoa học công nghệ	
B	Nhóm chỉ tiêu về giáo dục nghề nghiệp						
1	Thu hút học sinh đã tốt nghiệp THCS và THPT vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp	%	22,24%	32%	Sở LĐTBXH; UBND các huyện, TX, TP	Các cơ sở GDNN; Phân hiệu Đại học Thái nguyên tại Lào Cai	
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến 2025	%	66,7%	68%	Sở LĐTBXH; UBND các huyện, TX, TP	Các cơ sở GDNN; Phân hiệu Đại học Thái nguyên tại Lào Cai	
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	28,1%	29,3%	Sở LĐTBXH; UBND các huyện, TX, TP	Các cơ sở GDNN; Phân hiệu Đại học Thái nguyên tại Lào Cai	
3	Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi qua đào tạo	%	49,01%	50,20%	Sở LĐTBXH; UBND các huyện, TX, TP	Ban Dân tộc; Các cơ sở GDNN; Phân hiệu Đại học Thái nguyên tại Lào Cai	
5	Cơ cấu lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	53,70%	52,70%	UBND các huyện, TX, TP		
6	Cơ cấu lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp xây dựng	%	18%	18,6%	Sở LĐTBXH; UBND các huyện, TX, TP	Các cơ sở Công thương; Nông nghiệp & PTNT; Sở Văn hóa - TTDL; Kế hoạch và Đầu tư	

TT	Mục tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện năm 2022	Kế hoạch 2023	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
7	Cơ cấu lao động làm việc trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ	%	28,1%	27,72%	Số LPTBXH; UBND các huyện, TX, TP		
C	Nhóm chỉ tiêu phát triển đối ứng cán bộ, công chức, viên chức						
1	Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức các cấp có trình độ đại học trở lên (cấp tỉnh, huyện, xã)	%	65,32%	65,40%	Các sở, ngành; UBND các huyện, tp, tx		
2	Tỷ lệ cán bộ công chức có trình độ về chuyên môn ngoại ngữ, tin học đạt chuẩn theo vị trí việc làm	%	97%	98%	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, tp, tx		
3	Tỷ lệ viên chức có trình độ về chuyên môn ngoại ngữ, tin học đạt chuẩn theo vị trí việc làm	%	90%	90,5%	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, tp, tx	Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp	
4	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ làm việc trong môi trường Quốc tế	%	2,4%	2,4%	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, tp, tx		
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh có trình độ trên đại học	%	14,03%	14,05%	UBND các huyện, tx, tp		
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện có trình độ trên đại học	%	1,45%	1,47%			
D	Nhóm chỉ tiêu tạo việc làm và thu hút nguồn lao động đến tỉnh Lào Cai làm						
1	Tạo việc làm mới khu vực phi nông nghiệp	Người	15.223	9.500	Số LPTBXH	Các sở: Công thương; Nông nghiệp & PTNT; Sở Văn hóa - TTDL; Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố	
2	Chuyển dịch lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang lĩnh vực phi nông nghiệp	Người	4.270	3.600	Số LPTBXH	Các sở: Công thương; Nông nghiệp & PTNT; Sở Văn hóa - TTDL; Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố	
3	Thu hút nguồn nhân lực ngoài tỉnh đến làm việc tại các khu kinh tế, các khu cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai	Người	1.260	1.310	Số Công thương	Số Lao động - TBXH; Số Kế hoạch và Đầu tư	

